BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90 /2024/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

THÔNG TƯ
Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2025, thay thế Thông tư số 94/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia. Đối với số lượng máy phát điện nhập kho trước ngày Thông tư này có hiệu lực, hiện đang lưu kho bảo quản thì tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 94/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp, giao, nhận (nhập, xuất), bảo quản và quản lý chất lượng máy phát điện dự trữ quốc gia trong quá trình giao, nhận và lưu kho, bảo quản tại kho dự trữ quốc gia có trách nhiệm

thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận

***Nơi nhận*:**
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDT (80b).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 02:2024/BTC

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ TRỮ QUỐC GIA

National technical regulation on generators for national reserve

HÀ NỘI - 2024

MỤC LỤC

Lời nói đầu

QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2024.

QCVN 02:2024/BTC thay thế QCVN 02:2017/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ TRỮ QUỐC GIA

National technical regulation on generators for national reserve

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về kỹ thuật (yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử), giao, nhận (nhập, xuất), bảo quản và công tác quản lý chất lượng đối với máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông trong quá trình giao, nhận và lưu kho, bảo quản tại kho dự trữ quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với: Các cơ quan, đơn vị dự trữ quốc gia (sau đây gọi tắt là đơn vị dự trữ); tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp, giao, nhận (nhập, xuất), bảo quản và công tác quản lý chất lượng đối với máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông trong quá trình giao, nhận và lưu kho, bảo quản tại kho dự trữ quốc gia.

3. Giải thích từ ngữ

3.1. Máy phát điện trong quy chuẩn này là một tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông với nguồn động lực quy định tại điểm a, 5.1.2 TCVN 9729-1:2013 và máy phát điện quy định tại điểm a, 5.1.3 TCVN 9729-1:2013; có yêu cầu kỹ thuật đảm bảo quy định tại Điều 1 Phần II của quy chuẩn này và các quy định hiện hành khác để cung cấp nguồn điện phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, sau đây gọi tắt là máy phát điện.

3.2. Lô máy phát điện

3.2.1. "Lô máy phát điện" là số lượng máy phát điện giao theo từng hợp đồng giữa đơn vị cung cấp và đơn vị dự trữ, được sản xuất hàng loạt bởi cùng một cơ sở sản xuất; có cùng nhãn hiệu, cùng kiểu loại, cùng loại vật liệu chế tạo và có cùng đặc tính kỹ thuật, công dụng.

3.2.2. "Lô máy phát điện giao nhận" là số lượng máy phát điện được giao, nhận tại một điểm kho theo từng hợp đồng mua bán.

3.2.3. "Lô máy phát điện bàn giao" là số lượng máy phát điện bảo quản tại một điểm kho được bàn giao, điều chuyển sang một hay nhiều điểm kho khác trong phạm vi nội bộ Cơ quan Dự trữ quốc gia chuyên trách (Tổng cục Dự trữ Nhà nước).

3.3. Đơn vị cung cấp là tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng, cung cấp máy phát điện nhập kho dự trữ quốc gia.

4. Tài liệu viện dẫn

4.1. TCVN 6627-1:2014 (IEC 60034-1:2010) Máy điện quay - Phần 1: Thông số đặc trưng và tính năng.

4.2. TCVN 9729-1:2013 (ISO 8528-1:2005) Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông - Phần 1: Ứng dụng, công suất danh định và tính năng.

4.3. TCVN 9729-5:2013 (ISO 8528-5:2005) Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông - Phần 5: Tổ máy phát điện.

4.4. TCVN 9729-6:2013 (ISO 8528-6:2005) Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông - Phần 6: Phương pháp thử.

4.5. TCVN 9729-10:2013 (ISO 8528-10:1998) Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông - Phần 10: Đo độ ồn trong không khí theo phương pháp bề mặt bao quanh.

4.6. TCVN 6627-9:2011 (IEC 60034-9:2007) Máy điện quay - Phần 9: Giới hạn mức ồn.

4.7. Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

4.8. Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

4.9. Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4.10. Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4.11. Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

4.12. Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu kỹ thuật

Máy phát điện phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hiện hành, trong đó đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cụ thể sau:

- Là máy phát điện sử dụng trên đất liền theo quy định tại điểm 6.2.1, có chế độ làm việc độc lập (vận hành độc lập) theo quy định tại điểm 6.3.1 mục 6 và là máy phát điện loại G2 theo quy định tại điểm b mục 7 TCVN 9729-1:2013.

- Máy phát điện được lắp đặt trên khung cơ sở (không có bánh xe), có vỏ bao bọc theo quy định tại điểm 8.3 và sử dụng để lắp đặt ngoài trời theo quy định tại điểm 8.6.3 mục 8 TCVN 9729-1:2013.

- Chế độ khởi động và điều khiển máy phát điện: Bằng tay.

- Công suất danh định (công suất chính kế - Prime Power (PRP)): Không nhỏ hơn 24 kW.

- Tần số: (50 ± 0,2) Hz.

- Điện áp: 220/380 (V) ± 5 %.

- Tổng độ biến dạng sóng hài điện áp (THD): Không lớn hơn 8 %.

- Giới hạn độ tăng nhiệt độ cuộn dây: Không lớn hơn 125 °C.

- Máy phát điện phải có bộ phận hiển thị được các thông số trong quá trình vận hành như: Điện áp, dòng điện, tần số, áp lực dầu bôi trơn, tốc độ vòng quay, nhiệt độ nước làm mát, cảnh báo lỗi.

- Giới hạn mức công suất âm thanh trọng số A lớn nhất (giới hạn mức ồn) trong điều kiện máy phát điện làm việc không tải và được đo cách máy phát điện 1 m, không lớn hơn:

+ 98 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ 24 kW đến 37 kW;

+ 100 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 37 kW đến 55 kW;

+ 103 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 55 kW đến 110 kW;

+ 106 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 110 kW đến 220 kW;

+ 108 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 220 kW đến 550 kW;

+ 111 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 550 kW đến 1100 kW;

+ 113 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 1100 kW đến 2200 kW;

+ 115 dB (dBA) đối với máy phát điện có công suất từ lớn hơn 2200 kW đến 5500 kW.

Căn cứ quy định về yêu cầu kỹ thuật nêu trên và tình hình điều kiện cụ thể, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định mua loại máy phát điện có công suất phù hợp.

2. Phương pháp thử

Các đơn vị dự trữ tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng máy phát điện trước khi

nhập kho dự trữ quốc gia theo các nội dung sau:

2.1. Kiểm tra ngoại quan

Thực hiện kiểm tra toàn bộ số lượng máy phát điện giao nhận, nội dung kiểm tra như sau:

- Kiểm đếm đủ số lượng máy phát điện giao nhận;

- Đối chiếu ký hiệu, mã hiệu trên máy phát điện phù hợp với thông tin tương ứng của hồ sơ máy phát điện;

- Kiểm tra tính đồng bộ kỹ thuật của máy phát điện;

- Kiểm tra tình trạng bên ngoài của máy phát điện (vỏ máy phát điện yêu cầu không bị méo bẹp, gãy vỡ, rạn nứt hoặc han gỉ; vỏ máy phát điện phải được gắn dấu hợp quy theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; đối với vị trí cổ xả khí thải của động cơ nếu bị han gỉ do khách quan vận hành nổ máy trước khi xuất xưởng phải có xác nhận của hãng sản xuất thì mới được chấp nhận).

Máy phát điện được kiểm tra nếu có một chỉ tiêu không đạt thì tiến hành tách riêng và yêu cầu đơn vị cung cấp khắc phục hoặc thay thế đảm bảo chất lượng theo quy định.

2.2. Kiểm tra vận hành

Thực hiện kiểm tra toàn bộ số lượng máy phát điện giao nhận, nội dung kiểm tra như sau:

Quy trình, nội dung kiểm tra vận hành máy phát điện thực hiện như vận hành nổ máy trong bảo quản quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III quy chuẩn này. Máy phát điện được kiểm tra vận hành phải đảm bảo công suất phát điện của máy phát điện đạt công suất danh định tương ứng với điện áp đạt từ 95 % đến 105 % điện áp quy định.

Trong quá trình kiểm tra vận hành máy phát điện, nếu bất kỳ một máy phát điện nào có chỉ tiêu không đạt phải tách riêng máy phát điện đó, đơn vị cung cấp phải khắc phục hoặc thay thế đảm bảo chất lượng.

2.3. Kiểm tra tại cơ quan chuyên môn về yêu cầu kỹ thuật

2.3.1. Lấy mẫu và xử lý kết quả kiểm tra

2.3.1.1. Lấy mẫu

- Đối với lô máy phát điện của một hợp đồng mua bán có số lượng không lớn hơn 50 chiếc thì khi giao nhận thực hiện lấy mẫu theo nguyên tắc: Lấy mẫu lần thứ nhất là 01 máy phát điện, lấy mẫu lần thứ hai là 02 máy phát điện (không bao gồm mẫu đã lấy lần thứ nhất).

- Đối với lô máy phát điện có số lượng lớn hơn 50 chiếc thì thực hiện lấy tăng số lượng mẫu theo bội số của 50 để kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật (Lô máy phát điện có số lượng từ 51 chiếc đến 100 chiếc thì lấy mẫu lần thứ nhất là 02 máy phát điện, lấy mẫu lần thứ hai là 04 máy phát điện (không bao gồm mẫu đã lấy lần thứ nhất); lô máy phát điện có số lượng từ 101 chiếc đến 150 chiếc thì lấy mẫu lần thứ nhất là 03 chiếc, lấy mẫu lần thứ hai là 06 chiếc (không bao gồm mẫu đã lấy lần thứ nhất)...).

2.3.1.2. Xử lý kết quả kiểm tra

- Nếu mẫu lấy lần thứ nhất kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật có một chỉ tiêu không đảm bảo chất lượng thì tiến hành lấy mẫu lần thứ hai để kiểm tra lại.

- Nếu các mẫu lấy lần thứ hai kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, đồng thời mẫu kiểm tra lần thứ nhất được khắc phục hoặc thay thế đáp ứng yêu cầu thì lô máy phát điện được chấp nhận nhập kho dự trữ quốc gia.

- Nếu các mẫu lấy lần thứ hai kiểm tra mà có ít nhất một mẫu không đáp ứng (một chỉ tiêu kỹ thuật bất kỳ thuộc điểm 2.3.2 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này không đáp ứng) hoặc mẫu kiểm tra lần thứ hai đáp ứng nhưng mẫu kiểm tra lần thứ nhất không khắc phục được thì lô máy phát điện không được chấp nhận, đơn vị cung cấp phải thay thế lô máy phát điện khác và kiểm tra lại theo quy định nêu trên.

2.3.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật phải kiểm tra: Theo quy định tại Điều 1 Phần II của quy chuẩn này.

2.3.3. Phương pháp thử các chỉ tiêu kỹ thuật

- Theo TCVN 6627-1:2014 (IEC 60034-1:2010) hoặc TCVN 9729-6:2013 (ISO 8528-6:2005).

- Riêng đối với việc kiểm tra giới hạn mức công suất âm thanh (giới hạn mức ồn) theo TCVN 6627-9:2011 (IEC 60034-9:2007) hoặc TCVN 9729-10:2013 (ISO 8528-10:1998).

2.3.4. Tổ chức thử nghiệm kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của máy phát điện theo quy định tại Điều 1 Phần II của quy chuẩn này là phòng thử nghiệm đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và được công nhận theo quy định.

2.3.5. Yêu cầu đối với các phương tiện đo sử dụng trong thử nghiệm, kiểm tra: Phương tiện đo sử dụng trong kiểm tra, thử nghiệm thuộc quy chuẩn này phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

III. QUY ĐỊNH VỀ GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN

1. Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị, dụng cụ

Đơn vị dự trữ được giao nhiệm vụ trực tiếp bảo quản máy phát điện có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình nhập, xuất và bảo quản máy phát điện gồm:

- Giá kê, bục kê (bê tông): Dùng để kê, xếp máy phát điện;

- Vật tư, thiết bị, dụng cụ phục vụ nhập, xuất hàng: Ắc quy, nhiên liệu; nổ máy, dầu nhờn, khăn lau, chổi, xà phòng, vải bạt Polypropylene (PP), thuốc xử lý côn trùng và sinh vật có hại; thiết bị, dụng cụ vận chuyển, kê xếp hàng; văn phòng phẩm;

- Vật tư dùng cho bảo quản: Ắc quy, nhiên liệu nổ máy, dầu nhờn, mỡ máy, chổi, khăn lau, xà phòng, giấy nến, vải bạt Polypropylene (PP), thuốc xử lý côn trùng và sinh vật có hại, máy hút bụi (nếu có);

- Vật tư liên quan đến điện, nước: Dây điện, bóng điện thắp sáng trong và ngoài

kho, điện dùng cho thiết bị bảo quản; nước phục vụ nhập, xuất, bảo quản và phòng cháy chữa cháy;

- Thiết bị, dụng cụ phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy;
- Các loại thiết bị, dụng cụ khác có liên quan đến công tác nhập, xuất và bảo quản máy phát điện.

2. Yêu cầu kiểm tra trước khi nhập kho

Đơn vị dự trữ được giao nhiệm vụ nhập kho máy phát điện thực hiện kiểm tra theo các nội dung sau:

2.1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

2.1.1. Thành phần hồ sơ kỹ thuật khi giao nhận

2.1.1.1. Hồ sơ kỹ thuật được cấp cho từng máy phát điện

2.1.1.1.1. Đối với máy phát điện sản xuất trong nước

- 01 bản chính bảng kê các phụ kiện kèm theo máy phát điện của nhà sản xuất (nếu có);

- 01 bản chính phiếu bảo hành của nhà sản xuất (ghi rõ thông tin chủ yếu về quyền lợi, phạm vi bảo hành và địa chỉ đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hành);

- 01 tài liệu của nhà sản xuất về cấu tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng máy phát điện bằng tiếng Việt (bản sao y của đơn vị cung cấp). Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải cung cấp bản dịch sang tiếng Việt được công chứng.

2.1.1.1.2. Đối với máy phát điện nhập khẩu

- 01 bản chính bảng kê các phụ kiện kèm theo máy phát điện của nhà sản xuất (nếu có);

- 01 bản chính phiếu bảo hành của đơn vị cung cấp kèm theo bản sao y cam kết bảo hành của nhà sản xuất hoặc đơn vị được nhà sản xuất ủy quyền tại Việt Nam (phiếu bảo hành ghi rõ thông tin chủ yếu về quyền lợi, phạm vi bảo hành và địa chỉ của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hành);

- 01 tài liệu của nhà sản xuất về cấu tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng máy phát điện kèm theo bản dịch sang tiếng Việt được công chứng (bản sao y của đơn vị cung cấp).

2.1.1.2. Hồ sơ kỹ thuật được cấp cho lô máy phát điện

2.1.1.2.1. Đối với máy phát điện sản xuất trong nước

- 01 giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (bản sao y của đơn vị cung cấp);
- 01 Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực cấp cho đơn vị cung cấp (bản sao y của đơn vị cung cấp);
- Biên bản lấy mẫu, biên bản bàn giao mẫu, kết quả thử nghiệm mẫu lô máy phát điện (bản chính);

- Bản chính thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn

của đơn vị dự trữ được chỉ định, giao nhiệm vụ lấy mẫu kiểm tra (kèm theo bản sao kết quả thử nghiệm mẫu của cơ quan chuyên môn).

2.1.1.2.2. Đối với máy phát điện nhập khẩu

- 01 giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (bản sao y của đơn vị cung cấp);

- 01 giấy chứng nhận xuất xứ của cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao y của đơn vị cung cấp);

- 01 tờ khai hải quan đã được thông quan theo quy định (bản sao y của đơn vị cung cấp);

- 01 Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực cấp cho đơn vị cung cấp (bản sao y của đơn vị cung cấp);

- Biên bản lấy mẫu, biên bản bàn giao mẫu cho phòng thử nghiệm, kết quả thử nghiệm mẫu của lô máy phát điện (bản chính);

- Bản chính thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn của đơn vị dự trữ được chỉ định lấy mẫu kiểm tra (kèm theo bản sao kết quả thử nghiệm mẫu của cơ quan chuyên môn).

2.1.1.3. Hồ sơ kỹ thuật của một lô máy phát điện giao nhận

- Các hồ sơ quy định tại điểm 2.1.1.1 và điểm 2.1.1.2 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này. Riêng đối với biên bản lấy mẫu, biên bản bàn giao mẫu cho phòng thử nghiệm, kết quả thử nghiệm mẫu của lô máy phát điện lưu tại hồ sơ đối với lô máy phát điện giao nhận được chỉ định lấy mẫu;

- Bản chính biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật (mẫu biên bản kèm theo);

- Bản chính biên bản kiểm tra ngoại quan (mẫu biên bản kèm theo);

- Bản chính biên bản kiểm tra vận hành (mẫu biên bản kèm theo);

- Bản chính biên bản tạm giao hàng (mẫu biên bản kèm theo);

- Bản chính biên bản giao nhận (mẫu biên bản kèm theo).

2.1.1.4. Hồ sơ kỹ thuật của lô máy phát điện bàn giao

- Các hồ sơ kỹ thuật quy định tại điểm 2.1.1.3 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này;

- Các hồ sơ kỹ thuật được lập trong quá trình bảo quản như: Biên bản kiểm tra vận hành, biên bản khắc phục lỗi kỹ thuật (nếu có)...

2.1.2. Nội dung kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

Đơn vị dự trữ nhập máy phát điện phải kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hiệu lực các hồ sơ kỹ thuật quy định tại điểm 2.1.1.1 và điểm 2.1.1.2 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này (trừ biên bản lấy mẫu, biên bản bàn giao mẫu cho phòng thử nghiệm, kết quả thử nghiệm mẫu của lô máy phát điện, thông báo kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật lô máy phát điện). Lập biên bản kiểm tra theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

2.2. Kiểm tra ngoại quan: Thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này và lập biên bản kiểm tra theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

2.3. Kiểm tra vận hành: Thực hiện theo quy định tại điểm 2.2 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này và lập biên bản kiểm tra theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

2.4. Sau khi thực hiện kiểm tra hồ sơ kỹ thuật, kiểm tra ngoại quan, kiểm tra vận hành đạt yêu cầu, đơn vị dự trữ phối hợp với đơn vị cung cấp lập biên bản tạm giao hàng đối với lô máy phát điện giao nhận theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

2.5. Kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn

Đơn vị dự trữ nhập máy phát điện trong hợp đồng được chỉ định, giao nhiệm vụ lấy mẫu để kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện như sau:

- Thực hiện lấy mẫu theo quy định tại điểm 2.3.1.1 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này và lập biên bản theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

- Lựa chọn phòng thử nghiệm theo quy định tại điểm 2.3.4 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này và bàn giao mẫu cho phòng thử nghiệm theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

- Xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại điểm 2.3.1.2 Điều 2 Phần II của quy chuẩn này. Nếu lô máy phát điện đáp ứng yêu cầu thì thông báo kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật bằng văn bản cho đơn vị cung cấp và các đơn vị dự trữ khác trong hợp đồng để thực hiện thủ tục giao nhận nhập kho; nếu lô máy phát điện không đáp ứng thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị cung cấp yêu cầu thay thế lô máy phát điện khác và đồng thời thông báo cho các đơn vị dự trữ khác trong hợp đồng để bàn giao lại máy phát điện cho đơn vị cung cấp.

2.6. Sau khi có thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn của đơn vị dự trữ được chỉ định, đơn vị dự trữ khác trong hợp đồng phối hợp với đơn vị cung cấp lập biên bản giao nhận lô máy phát điện giao nhận theo mẫu kèm theo quy chuẩn này.

2.7. Sau khi lập biên bản giao nhận nhập kho lô máy phát điện giao nhận, đơn vị dự trữ lập hồ sơ để lưu trong quá trình bảo quản.

3. Quy trình bàn giao, điều chuyển trong phạm vi nội bộ Tổng cục Dự trữ Nhà nước

3.1. Bàn giao hồ sơ

3.1.1. Khi bàn giao máy phát điện, hồ sơ được cấp cho từng máy phát điện theo quy định tại điểm 2.1.1.1 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này phải được bàn giao đầy đủ theo từng máy phát điện.

3.1.2. Khi lô máy phát điện bàn giao được điều chuyển hết cho đơn vị dự trữ khác thì hồ sơ tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này phải được bàn giao đầy đủ;

3.1.3. Trường hợp lô máy phát điện bàn giao được điều chuyển một phần số lượng máy phát điện cho một hoặc nhiều đơn vị dự trữ thì hồ sơ được bàn giao như sau:

- Đơn vị dự trữ tiếp nhận máy phát điện nhận các tài liệu kỹ thuật cấp cho từng máy phát điện theo số lượng được bàn giao và bản sao các tài liệu còn lại quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này.

- Đơn vị dự trữ bàn giao giữ các hồ sơ quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này và hồ sơ kỹ thuật cấp cho từng máy phát điện đối với số lượng máy

phát điện còn lại.

3.1.4. Trường hợp lô máy phát điện bàn giao được điều chuyển hết cho nhiều đơn vị dự trữ khác nhau thì hồ sơ được bàn giao như sau:

- Nếu bàn giao cho các đơn vị dự trữ với số lượng khác nhau: Đơn vị dự trữ tiếp nhận số lượng nhiều nhất nhận hồ sơ kỹ thuật được cấp cho từng máy phát điện theo số lượng được bàn giao và giữ các hồ sơ còn lại quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này. Các đơn vị khác nhận hồ sơ kỹ thuật được cấp cho từng máy phát điện theo số lượng được bàn giao và bản sao các hồ sơ còn lại quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này.

- Nếu bàn giao cho các đơn vị dự trữ với số lượng như nhau: Đơn vị tiếp nhận số lượng máy sau cùng của lô bàn giao nhận hồ sơ kỹ thuật được cấp cho từng máy phát điện theo số lượng được bàn giao và giữ các hồ sơ còn lại quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này. Các đơn vị khác nhận các tài liệu kỹ thuật cấp cho từng máy phát điện theo số lượng được bàn giao và bản sao các hồ sơ còn lại quy định tại điểm 2.1.1.4 Điều 2 Phần III của quy chuẩn này.

3.2. Kiểm tra chất lượng khi bàn giao, điều chuyển

Kiểm tra ngoại quan theo quy định tại điểm 2.1 Điều 2 Phần II và kiểm tra vận hành nổ máy theo quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III của quy chuẩn này.

3.3. Biên bản giao nhận

Mọi trường hợp bàn giao, điều chuyển máy phát điện đều phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chất lượng, tình trạng thực tế, các nội dung khác theo quy định và các tài liệu, hồ sơ được bàn giao kèm theo.

4. Quy trình bảo quản

4.1. Kê xếp máy phát điện trong kho

4.1.1. Các loại máy phát điện khác nhau phải được kê xếp riêng theo từng dãy; các máy không được xếp chồng lên nhau; sàn kho bảo đảm có khoảng lưu không phục vụ công tác bảo quản, di chuyển khi xuất, nhập. Lối đi trong kho có chiều rộng không nhỏ hơn 1,8 m, khoảng cách giữa hai máy trong cùng một dãy không nhỏ hơn 1,0 m và đảm bảo cách với cột kho, tường kho khoảng cách không nhỏ hơn 1,0 m; khoảng cách giữa hai máy liền kề không nhỏ hơn 1,5 lần bán kính quay của cánh cửa máy phát điện.

4.1.2. Máy phát điện phải được kê cao tránh bị tác động hơi ẩm của sàn kho, cụ thể:

- Đối với máy phát điện không có xe kéo, toàn bộ khung bệ máy được kê thăng bằng, chắc chắn trên giá kê, bục kê (bê tông). Độ cao cách sàn kho từ 35 cm đến 40 cm bảo đảm việc thông thoáng, vệ sinh gầm máy hoặc thay dầu máy và các công việc bảo quản khác có liên quan;

- Đối với máy phát điện có xe kéo (sử dụng bánh lốp), lốp xe phải được kê kích cao hơn sàn kho từ 3 cm đến 5 cm. Các điểm kê kích trên khung bệ máy và trục bánh xe phải đảm bảo nhíp xe không chịu tải. Toàn bộ lốp xe được xả bớt hơi, áp suất hơi trong bánh xe còn lại từ 98 kPa đến 147 kPa (từ 1,0 kg/cm^2 đến 1,5 kg/cm^2). Dùng túi nilon tối

màu bọc kín lốp xe hạn chế tác động của ánh sáng mặt trời và hơi ẩm.

4.1.3. Phụ kiện kèm theo máy phát điện (nếu có) phải được xếp trên các giá kê. Ắc quy kèm theo máy phát điện phải tháo rời khỏi máy, cất giữ ở một khu vực riêng và không được xếp chồng lên nhau, bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

4.2. Bảo quản lần đầu

Là các công việc thực hiện sau khi giao nhận nhập kho dự trữ quốc gia, bao gồm:

4.2.1. Vệ sinh máy phát điện

- Vệ sinh sạch sẽ tất cả các vết bẩn, dầu mỡ bẩn bám trên vỏ máy phát điện. Dùng nước sạch và xà phòng rửa sạch phần khung, vỏ bảo vệ máy, bánh lốp (nếu có). Sau khi rửa lại bằng nước sạch cho hết xà phòng, dùng máy nén khí làm khô toàn bộ máy;

- Bảo vệ, bảo quản tất cả các ký hiệu, dấu hiệu hướng dẫn hoặc cảnh báo bằng chữ, hình vẽ được ghi trên máy phát điện; mọi việc vệ sinh không được làm mất các ký hiệu này. Khi vệ sinh các ký hiệu này phải dùng khăn lau và nước xà phòng, không dùng hóa chất hoặc xăng, dầu; không được làm mờ hoặc mất các ký hiệu, hình vẽ trên máy phát điện;

- Không dùng bơm nước áp lực cao phun trực tiếp để rửa động cơ, đầu phát điện và bộ phận điện điều khiển máy phát điện; không được để lọt nước vào bên trong động cơ, đầu phát điện và bộ điều khiển máy phát điện.

4.2.2. Nội dung công việc bảo quản máy phát điện

- Kiểm tra tất cả các bộ phận có chứa dầu bôi trơn, bổ sung nếu thiếu dầu hoặc thay dầu mới khi độ nhớt của dầu không đảm bảo;

- Bơm mỡ các vị trí có vú mỡ, ổ đỡ; bọc giấy bảo quản cách ly với môi trường cho những chi tiết thông với bên trong động cơ; bôi mỡ chống gỉ cho các chi tiết máy. Bảo quản chống gỉ thùng chứa nhiên liệu, khung bệ máy; bôi mỡ bảo quản các đầu cực ắc quy, đầu cáp điện và bọc kín cách ẩm;

- Đối với các chi tiết bằng vật liệu phi kim loại (nhựa, cao su...) dùng giấy tối màu bọc kín lại sau khi đã vệ sinh sạch và làm khô. Không bôi dầu mỡ bảo quản, dầu chống gỉ vào các chi tiết máy bằng vật liệu phi kim loại và các khu vực vỏ máy có sơn phủ;

- Máy phát điện kiểm tra vận hành nổ máy phải sử dụng bình chứa nhiên liệu bên ngoài để nổ máy. Không xả nước làm mát có pha các chất chống han gỉ, chống đóng cặn ra khỏi két nước làm mát của máy phát điện.

4.3. Bảo quản thường xuyên

4.3.1. Hàng ngày, thủ kho bảo quản phải kiểm tra tình trạng an toàn của nhà kho, thấm dột mái kho, sinh vật hại xâm nhập kho (chú ý chống chuột chui vào cắn phá dây điện trong máy phát điện); kiểm tra tình trạng bên ngoài máy phát điện, nếu phát hiện các dấu hiệu không an toàn phải xác định rõ nguyên nhân, báo cáo người phụ trách đơn vị và có biện pháp xử lý kịp thời. Kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm trong kho; khi nhiệt độ môi trường thuận lợi cho việc thông gió tự nhiên, tiến hành mở cửa kho thông gió để hạ bớt nhiệt độ và độ ẩm không khí trong kho để đảm bảo điều kiện bảo quản bình thường (nhiệt độ không lớn hơn 35°C và độ ẩm không khí không lớn hơn 85%). Nếu không khí trong

kho có độ ẩm tương đối lớn hơn 90% trong nhiều ngày liên tục, đóng kín cửa kho và thực hiện thông gió cưỡng bức bằng quạt để giảm bớt độ ẩm trong kho hoặc dùng vách gỗ ngăn riêng từng máy phát điện để hạn chế hơi ẩm tích tụ trong máy phát điện.

4.3.2. Mỗi tuần một lần dùng chổi hoặc máy hút bụi vệ sinh sàn, trần, các góc kho và trên bề mặt máy phát điện. Vệ sinh mặt ngoài, dùng giấy ráp mịn đánh sạch các chỗ han gỉ trên vỏ, khung bệ máy phát điện, sơn chống gỉ lót trong và sơn phủ ngoài bằng loại sơn cùng mầu tại các chỗ bong sơn.

4.3.3. Hàng quý kiểm tra bằng cảm quan sự ngưng đọng hơi ẩm trên toàn bộ máy phát điện; nếu phát hiện có hơi ẩm phải tiến hành sấy khử ẩm. Khi thời tiết có độ ẩm cao và kéo dài nhiều ngày cần kiểm tra thường xuyên hơn.

Chú ý: Dùng quạt thổi không khí nóng để sấy máy phát điện. Cần điều chỉnh khí sấy nóng đều cho toàn bộ máy, không để khí nóng tập trung cục bộ tại một điểm. Quá trình sấy nên tăng dần nhiệt độ của khí sấy, thời gian sấy không nhỏ hơn 4 giờ mỗi lần và nhiệt độ khí tối đa không lớn hơn 75°C đối với động cơ và bộ phận phát điện; không lớn hơn 30°C đối với bộ phận điều khiển.

4.3.4. Vận hành nổ máy

3 tháng một lần, tiến hành vận hành nổ máy để kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy phát điện (trường hợp không có đủ điều kiện về nhân lực và trang thiết bị phục vụ việc kiểm tra vận hành nổ máy, đơn vị dự trữ thuê thực hiện). Trước khi vận hành phải đảm bảo các yếu tố an toàn đối với con người và hàng hóa trong quá trình vận hành. Kiểm tra vận hành nổ máy toàn bộ số lượng máy phát điện; thời gian nổ máy từ 20 phút đến 30 phút. Quy trình vận hành nổ máy phải bảo đảm thực hiện theo các bước dưới đây:

- Đối với động cơ:

+ Tháo dỡ toàn bộ giấy bọc các chi tiết máy và làm vệ sinh sạch dầu mỡ;

+ Kiểm tra mức dầu bôi trơn, mức nước làm mát và bổ sung đủ theo mức quy định;

+ Kiểm tra rò rỉ, rạn nứt của các tuyến ống dẫn nhiên liệu, hệ thống làm mát, dầu bôi trơn... nếu phát hiện có rò rỉ, rạn nứt phải khắc phục hoặc thay mới;

+ Kiểm tra khớp nối bộ phận phát điện và động cơ;

+ Kiểm tra, xiết chặt lại các bu lông chân máy và đai kẹp các ống dẫn;

+ Kiểm tra, vệ sinh sạch bầu lọc gió;

+ Ắc quy khởi động: Phải có các thông số kỹ thuật phù hợp với các thông số kỹ thuật của ắc quy kèm theo máy và phải được nạp đủ điện. Nối các cực ắc quy với các cáp điện động cơ đề theo quy định (chú ý khi đấu nối ắc quy với động cơ đề phải nối cáp điện dương của động cơ đề với cực dương của ắc quy trước, còn khi tháo phải tháo cực âm trước, cực dương sau). Không dùng ắc quy kèm theo máy để khởi động máy phát điện;

+ Chuẩn bị nhiên liệu vào bình chứa bên ngoài, nối ống dẫn cấp nhiên liệu của

động cơ vào bình treo ngoài. Đối với động cơ điêzen phải nối ống nhiên liệu hồi vào bình treo ngoài;

+ Dùng tay bơm mồi nhiên liệu lên bầu lọc, kết hợp xả không khí trong bầu lọc nhiên liệu, chỉ dừng bơm mồi khi tại vị trí xả của bầu chứa nhiên liệu không có bọt khí chảy ra.

- Đối với bộ phận phát điện:

+ Kiểm tra các dây dẫn điện, bảo đảm không bị hở hoặc đứt. Các đầu mối nối của dây dẫn điện phải tiếp xúc chặt;

+ Kiểm tra hoạt động của đèn báo tín hiệu trên bộ phận điều khiển và các rơ le.

- Khởi động động cơ:

+ Đảm bảo an toàn khu vực xung quanh động cơ trước khi khởi động;

+ Đảm bảo đã ngắt áp tô mát tổng;

+ Khởi động động cơ và chạy với tốc độ thấp từ 3 phút đến 5 phút đến nhiệt độ làm việc quy định, có thể tăng thời gian chạy vào mùa lạnh. Nghe tiếng động cơ nổ êm không có tiếng kêu lạ của các chi tiết máy; kiểm tra sự rò rỉ nhiên liệu, hệ thống làm mát. Nếu phát hiện bất thường phải dừng máy, tìm nguyên nhân xử lý xong mới vận hành lại;

+ Điều chỉnh ga tăng dần tốc độ động cơ đến tốc độ danh định. Kiểm tra áp suất dầu bôi trơn, nhiệt độ nước làm mát bảo đảm động cơ đã hoạt động ổn định; nếu không bảo đảm phải kiểm tra, xử lý.

Chú ý: Nếu sau khi động cơ hoạt động khoảng 20 giây, chỉ số áp suất dầu bôi trơn không báo tăng áp suất, phải tắt máy ngay tìm nguyên nhân, xử lý xong mới được khởi động lại; mỗi lần đề khởi động máy phát điện thời gian không lớn hơn 5 giây, thời gian dừng giữa 2 lần đề liên tiếp phải lớn hơn 15 giây; chỉ sử dụng công tắc dừng khẩn cấp khi có sự cố cần dừng máy ngay, không được sử dụng công tắc này vào các trường hợp dừng máy thông thường. Trước khi khởi động lại phải chuyển công tắc dừng khẩn cấp về vị trí cho phép làm việc.

- Dừng động cơ:

+ Giảm tốc độ động cơ và để chạy ở tốc độ thấp trong khoảng thời gian 5 phút để làm nguội;

+ Dừng động cơ bằng cách chuyển công tắc khởi động về vị trí tắt máy;

+ Vệ sinh sạch toàn bộ máy phát điện.

- Ghi chép các số liệu về tình trạng vận hành máy phát điện vào sổ bảo quản và lập biên bản nghiệm thu công việc bảo quản.

Quá trình vận hành nổ máy, nếu có máy phát điện bị lỗi kỹ thuật, đơn vị dự trữ chủ động xử lý, khắc phục và báo cáo kết quả theo quy định. Trường hợp không xử lý, khắc phục được, đơn vị dự trữ báo cáo rõ nguyên nhân, đề xuất phương án giải quyết với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

5. Quy trình xuất kho

5.1. Trước khi xuất kho máy phát điện

- Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ cần thiết và các giấy tờ, sổ sách chứng từ có liên quan đến việc xuất máy phát điện.

- Kiểm tra chất lượng máy phát điện trước khi xuất kho bao gồm: Kiểm tra ngoại quan theo quy định tại điểm 2.1 Điều 2 Phần II và kiểm tra vận hành nổ máy theo quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III của quy chuẩn này.

Quá trình kiểm tra chất lượng máy phát điện, nếu có máy phát điện bị lỗi kỹ thuật, đơn vị dự trữ chủ động liên hệ với đơn vị cung cấp để xử lý, khắc phục. Trường hợp không xử lý, khắc phục được, đơn vị dự trữ báo cáo rõ nguyên nhân, đề xuất phương án giải quyết với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

5.2. Máy phát điện xuất kho dự trữ quốc gia phải đảm bảo chất lượng theo quy định, hồ sơ bàn giao cùng máy phát điện theo nguyên tắc quy định tại điểm 3.1 Điều 3 Phần III của quy chuẩn này và đảm bảo nguyên tắc: Máy phát điện nhập trước xuất trước, máy phát điện nhập sau xuất sau, đúng số lượng và chủng loại. Trong những trường hợp khác phải có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

5.3. Hoàn thiện chứng từ, sổ bảo quản, thẻ lô hàng; quy hoạch, kê xếp hoàn chỉnh cho các máy phát điện còn lại để tiếp tục bảo quản (trong trường hợp không bàn giao trọn cả lô).

6. Quy định về báo cáo chất lượng máy phát điện

- Chậm nhất một tháng sau khi kết thúc nhập kho, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực nhập máy phát điện báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện nhập kho về Tổng cục Dự trữ Nhà nước theo quy định tại Phụ lục A kèm theo quy chuẩn này;

- Hàng tháng Chi cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc báo cáo Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tình hình số lượng, chất lượng máy phát điện đang bảo quản trước ngày 25 hàng tháng, riêng tháng cuối quý báo cáo trước ngày 20 của tháng theo Phụ lục B kèm theo quy chuẩn này. Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

- Hàng quý Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tổng hợp, báo cáo Tổng cục Dự trữ Nhà nước tình hình số lượng, chất lượng máy phát điện đang bảo quản trước ngày 20 của tháng cuối quý theo Phụ lục C kèm theo quy chuẩn này. Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Trường hợp đột xuất đơn vị gửi báo cáo riêng theo Phụ lục D kèm theo quy chuẩn này;

- Chậm nhất một tháng sau khi xuất kho, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện xuất kho về Tổng cục Dự trữ Nhà nước theo Phụ lục E kèm theo quy chuẩn này.

Báo cáo được gửi bản giấy qua dịch vụ bưu chính và bản điện tử qua hệ thống quản lý nghiệp vụ dự trữ quốc gia.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÁY PHÁT ĐIỆN TRONG QUÁ TRÌNH GIAO, NHẬN VÀ LƯU KHO, BẢO QUẢN TẠI KHO DỰ TRỮ QUỐC GIA

1. Quy định về công bố hợp quy

1.1. Đơn vị cung cấp có trách nhiệm công bố máy phát điện phù hợp với yêu cầu

kỹ thuật quy định tại Điều 1 Phần II của quy chuẩn này dựa trên kết quả tự đánh giá của đơn vị cung cấp trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận theo quy định tại Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Đơn vị cung cấp lập và gửi hồ sơ công bố hợp quy đến Cục Dự trữ Nhà nước khu vực quản lý địa bàn tại địa phương nơi đơn vị cung cấp đăng ký sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và khoản 4 Điều 19 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN. Đơn vị cung cấp phải hoàn thành việc công bố hợp quy trước khi giao máy phát điện.

1.2. Phương thức thử nghiệm, đánh giá máy phát điện (phương thức đánh giá sự phù hợp): Đơn vị cung cấp thực hiện thử nghiệm, đánh giá máy phát điện phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 1 Phần II của quy chuẩn này để công bố hợp quy theo phương thức 7 quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

1.3. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực quản lý địa bàn tại địa phương nơi đơn vị cung cấp đăng ký sản xuất, kinh doanh thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ công bố hợp quy, ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy tối đa 23 ngày làm việc theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

1.4. Sau khi công bố hợp quy, đơn vị cung cấp có trách nhiệm gắn dấu hợp quy ở mặt ngoài vỏ máy phát điện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

2. Kiểm tra chất lượng

2.1. Kiểm tra chất lượng trước khi nhập kho: Theo quy định tại Điều 2 Phần II và Điều 2 Phần III của quy chuẩn này.

2.2. Kiểm tra trong quá trình lưu kho và trước khi xuất kho

2.2.1. Kiểm tra trong quá trình lưu kho

Thực hiện theo quy định tại Phần III của quy chuẩn này. Trước 6 tháng tính đến hết thời hạn lưu kho mà chưa có kế hoạch xuất kho thì Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tổ chức kiểm tra ngoại quan theo quy định tại điểm 2.1 Điều 2 Phần II và kiểm tra vận hành nổ máy theo quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III quy chuẩn này; báo cáo kết quả về Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2.2.2. Kiểm tra trước khi xuất kho

Thực hiện kiểm tra ngoại quan theo quy định tại điểm 2.1 Điều 2 Phần II và kiểm tra vận hành nổ máy theo quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III của quy chuẩn này.

3. Thời gian từ khi nhà sản xuất cấp giấy chứng nhận chất lượng máy phát điện đến khi ký biên bản tạm giao hàng, thời gian bảo hành, thời hạn lưu kho bảo quản máy phát điện

3.1. Thời gian từ khi nhà sản xuất cấp giấy chứng nhận chất lượng máy phát điện đến khi ký biên bản tạm giao hàng (sau khi kiểm tra ngoại quan, vận hành máy phát điện đạt yêu cầu): Tối đa là 9 tháng (kể cả thời gian vận chuyển). Máy phát điện nhập kho dự trữ quốc gia mới 100%.

3.2. Thời gian bảo hành máy phát điện: Tối thiểu là 7 năm kể từ ngày ký biên bản

giao nhận nhập kho dự trữ quốc gia.

3.3. Thời hạn lưu kho bảo quản máy phát điện: Tối đa là 7 năm kể từ ngày ký biên bản giao nhận nhập kho dự trữ quốc gia.

4. Yêu cầu về nhà kho

Kho chứa máy phát điện là kho chứa hàng vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn, có yêu cầu cơ bản như sau:

- Phải là loại kho có tường bao; mái che chống nắng, mưa, gió, bão; trần chống nóng;

- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng trong quá trình lưu kho bảo quản;

- Kho được trang bị đủ quạt thông gió để bảo đảm trong kho luôn được khô ráo, thoáng mát; có dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm không khí; có hệ thống điện chiếu sáng phục vụ công tác bảo quản, bảo vệ;

- Kho phải có hệ thống chống chim, chuột, phòng trừ mối và sinh vật gây hại khác;

- Kho phải xa các nguồn hóa chất, nơi dễ cháy nổ, đường điện cao thế, hạn chế tối đa bụi bẩn, bức xạ nhiệt;

- Có nội quy, sơ đồ vị trí sắp xếp hàng hóa, phương tiện và phương án phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt.

5. Thẻ lô hàng

Mỗi máy phát điện giao nhận đều được lập thẻ lô hàng gồm các nội dung sau:

- Địa điểm bảo quản: Tên ngăn kho, điểm kho;

- Ký hiệu sản phẩm;

- Quy cách;

- Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;

- Tháng, năm sản xuất;

- Số lượng;

- Ngày nhập kho;

- Họ và tên thủ kho bảo quản.

6. Chế độ ghi chép sổ sách và theo dõi hàng hóa

6.1. Cùng với việc lập các chứng từ theo chế độ kế toán hiện hành phải lập sổ theo dõi hàng hóa (gọi tắt là sổ bảo quản).

6.2. Sổ bảo quản

- Dùng để ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản máy phát điện, diễn biến về số lượng, chất lượng. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đầy đủ các nội dung theo quy định, có đầy đủ các thành phần ký tên và đóng dấu;

- Thủ kho bảo quản phải ghi chép đầy đủ nội dung công việc bảo quản theo quy định của quy chuẩn này, các diễn biến về chất lượng, các hư hỏng phát sinh và kết quả

xử lý cho từng máy phát điện trong quá trình lưu kho;

- Bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục Dự trữ Nhà nước: 01 lần/tuần ghi chép tình hình diễn biến về số lượng, chất lượng và đánh giá công tác bảo quản máy phát điện trong sổ bảo quản;

- Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp bảo quản máy phát điện: 02 lần/tháng ghi chép tình hình diễn biến về số lượng, chất lượng và đánh giá công tác bảo quản máy phát điện trong sổ bảo quản;

- Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực: Ba tháng một lần phải kiểm tra và ghi nhận xét đánh giá công tác bảo quản máy phát điện vào sổ bảo quản.

7. Phòng chống cháy nổ

Thủ trưởng đơn vị dự trữ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; bảo đảm an toàn hàng hóa và kho dự trữ quốc gia.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị cung cấp có trách nhiệm cung cấp máy phát điện phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phần II của quy chuẩn này, phối hợp với đơn vị dự trữ thực hiện kiểm tra chất lượng máy phát điện trước khi giao nhận nhập kho dự trữ quốc gia theo quy định tại Phần III của quy chuẩn này, thực hiện công bố hợp quy và trách nhiệm bảo hành theo quy định tại Phần IV của quy chuẩn này.

2. Thủ trưởng đơn vị dự trữ quản lý địa bàn tại địa phương nơi đơn vị cung cấp đăng ký sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ công bố hợp quy và đăng trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thông tin công bố hợp quy theo quy định; báo cáo tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ công bố hợp quy khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia được giao trực tiếp bảo quản máy phát điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra trước khi nhập kho, trong quá trình lưu kho, trước khi xuất kho theo quy định tại quy chuẩn này; tổ chức thực hiện bảo quản máy phát điện trong quá trình lưu kho bảo quản; quản lý chất lượng máy phát điện trong quá trình giao, nhận và lưu kho, bảo quản tại kho dự trữ quốc gia theo quy định tại quy chuẩn này.

3. Tổ chức thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của máy phát điện hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thử nghiệm của mình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện quy chuẩn này.

2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật mới./.

Phụ lục A

Mẫu báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện nhập kho dự trữ quốc gia

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC **CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC** **KHU VỰC.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /CDT.....-KTBQ V/v báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện nhập kho dự trữ quốc gia	*....., ngày ..... tháng .....năm .....*

Kính gửi: Tổng cục Dự trữ Nhà nước

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia;

Căn cứ Hợp đồng số ....ngày ../..../..... giữa .....với .....;

Cục DTNNKV .....chủ trì tổ chức, phối hợp với đơn vị cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm nhập đủ số lượng, chất lượng theo quy định của hợp đồng, cụ thể như sau:

1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:.....

2. Kiểm tra số lượng:.....

3. Kiểm tra ngoại quan, vận hành:.....

4. Lấy mẫu đưa đi kiểm tra chất lượng:.....

Cục DTNNKV..... báo cáo Tổng cục Dữ trữ Nhà nước số lượng, chất lượng máy phát điện nhập kho dự trữ quốc gia năm ...../.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu: VT, KTBQ (....).	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(ký, đóng dấu)*

Phụ lục B

Mẫu báo cáo số lượng, chất lượng bảo quản máy phát điện dự trữ quốc gia tháng...năm...

CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC.....
CHI CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..../.....
V/v báo cáo số lượng, chất lượng bảo quản máy phát điện dự trữ quốc gia tháng...năm...

....., ngày ..... tháng .....năm ....

Kính gửi: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực....

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG BẢO QUẢN MÁY PHÁT ĐIỆN DTQG THÁNG...NĂM 20...

STT	Địa điểm bảo quản	Đơn vị tính	Số lượng hàng trong quý				Số lượng, chất lượng hàng hóa bảo quản									Xử lý có biến động				Ghi chú
			Tồn đầu	Xuất	Nhập	Tồn cuối	Bảo quản ban đầu	Bảo quản thường xuyên			Bảo quản định kỳ			Phụ kiện, trang thiết bị		Hàng hóa		Phụ kiện, trang thiết bị		
								An toàn	Có biến động	Tổng cộng	An toàn	Có biến động	Tổng cộng	An toàn	Có biến động	Đã khắc phục	Vượt quá quyền khắc phục	Đã khắc phục	Vượt quá quyền khắc phục	
	Chi cục DTNN...																			
I	Điểm kho...																			
1	Loại máy...																			
2	Thời gian nhập...																			
3	.....																			

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BP.KTBQ.....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ phận KTBQ
(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

Phụ lục C

Mẫu báo cáo số lượng, chất lượng bảo quản máy phát điện dự trữ quốc gia quý...năm....

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
KHU VỰC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng .....năm ....

Số: /CDT.....-KTBQ
V/v báo cáo số lượng, chất lượng bảo quản máy phát điện dự trữ quốc gia quý...năm....

Kính gửi: Tổng cục Dự trữ Nhà nước

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG BẢO QUẢN MÁY PHÁT ĐIỆN DTQG QUÝ...NĂM 20...

STT	Địa điểm bảo quản	Đơn vị tính	Số lượng hàng trong quý				Số lượng, chất lượng hàng hóa bảo quản									Xử lý có biến động				Ghi chú
			Tồn đầu	Xuất	Nhập	Tồn cuối	Bảo quản ban đầu	Bảo quản thường xuyên			Bảo quản định kỳ			Phụ kiện, trang thiết bị		Hàng hóa		Phụ kiện, trang thiết bị		
								An toàn	Có biến động	Tổng cộng	An toàn	Có biến động	Tổng cộng	An toàn	Có biến động	Đã khắc phục	Vượt quá quyền khắc phục	Đã khắc phục	Vượt quá quyền khắc phục	
	Chi cục DTNN...																			
I	Điểm kho...																			
1	Loại máy...																			
2	Thời gian nhập...																			
3	.....																			

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTBQ.....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Phòng KTBQ
(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

Phụ lục D

Mẫu báo cáo đột xuất về số lượng, chất lượng máy phát điện dự trữ quốc gia

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC **CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /CDT.....-KTBQ V/v báo cáo đột xuất về số lượng, chất lượng máy phát điện dự trữ quốc gia	*....., ngày .....tháng .....năm ....*

Kính gửi: Tổng cục Dự trữ Nhà nước

Cục DTNNKV.... đang bảo quản .... bộ máy phát điện loại ... do... cung cấp nhập kho năm.....tại Chi cục DTNN.....Trong quá trình bảo quản ....bộ máy phát hiện có sự cố kỹ thuật.

Cục DTNNKV ..... đã tiến hành xử lý, khắc phục như sau:.....

Cục DTNNKV..... báo cáo Tổng cục Dữ trữ Nhà nước./.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu: VT, KTBQ (....).	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục E

Mẫu báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện dự trữ quốc gia xuất kho

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC **CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /CDT.....-KTBQ V/v báo cáo số lượng, chất lượng máy phát điện xuất kho dự trữ quốc gia	*....., ngày ..... tháng ..... năm ....*

Kính gửi: Tổng cục Dự trữ Nhà nước

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..../...../.....;

Cục DTNNKV .....chủ trì tổ chức, phối hợp với đơn vị nhận hàng tiến hành bàn giao máy phát điện DTQG, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ kỹ thuật:.....

2. Kiểm tra số lượng:.....

3. Kiểm tra ngoại quan,vận hành:.....

Cục DTNNKV..... báo cáo Tổng cục Dữ trữ Nhà nước số lượng, chất lượng máy phát điện xuất kho dự trữ quốc gia./.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu: VT, KTBQ (....).	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** **(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ KỸ THUẬT MÁY PHÁT ĐIỆN... (ghi cụ thể loại máy phát điện)

Số:...../..../CDT....- KTBQ

Căn cứ Hợp đồng mua bán ..... số...../.../..... ngày ...../..../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (đơn vị cung cấp hàng).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày..../..../...., tại ..... (*ghi rõ địa điểm tiến hành kiểm tra*), chúng tôi gồm (*họ và tên, chức vụ*):

I. THÀNH PHẦN KIỂM TRA

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực:..... (*đơn vị nhận hàng*):

1.1. Ông (bà).....(đại diện Lãnh đạo Cục DTNN khu vực).

1.2 Ông (bà) .....(đại diện Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật bảo quản).

1.3. Ông (bà) ..... (đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ).

1.4. Ông (bà)..... (đại diện Lãnh đạo Chi cục DTNN...).

1.5. Ông (bà) ..... (đại diện bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục DTNN...).

1.6. Ông (bà) ..... (thủ kho bảo quản).

2. Đại diện đơn vị cung cấp hàng (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Cùng nhau tiến hành kiểm tra hồ sơ kỹ thuật máy phát điện ... tại cửa kho dự trữ quốc gia trước khi nhập kho nội dung như sau:

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Tên máy phát điện, số lượng, thời gian giao hàng

1.1. Tên máy phát điện:.....

1.2. Số lượng máy phát điện:.....

1.3. Thời gian giao máy phát điện (*ngày..... tháng..... năm....*):.....

2. Nội dung kiểm tra

Ghi kết quả kiểm tra theo bảng sau:

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
I	**Hồ sơ kỹ thuật cấp cho từng máy phát điện**		
1	**Đối với máy phát điện sản xuất trong nước**		
1.1	01 bản chính bảng kê các phụ kiện kèm theo máy phát điện của nhà sản xuất (nếu có).		
1.2	01 bản chính phiếu bảo hành của nhà sản xuất (ghi rõ thông tin chủ yếu về quyền lợi, phạm vi bảo hành và địa chỉ đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hành).		
1.3	01 tài liệu của nhà sản xuất về cấu tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng máy phát điện bằng tiếng Việt (bản sao y của đơn vị cung cấp). Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải cung cấp bản dịch sang tiếng Việt được công chứng.		
2	**Đối với máy phát điện nhập khẩu**		
2.1	01 bản chính bảng kê các phụ kiện kèm theo máy phát điện của nhà sản xuất (nếu có).		
2.2	01 bản chính phiếu bảo hành của đơn vị cung cấp kèm theo bản sao y cam kết bảo hành của nhà sản xuất hoặc đơn vị được nhà sản xuất ủy quyền tại Việt Nam (phiếu bảo hành ghi rõ thông tin chủ yếu về quyền lợi, phạm vi bảo hành và địa chỉ của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hành).		
2.3	01 tài liệu của nhà sản xuất về cấu tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng máy phát điện kèm theo bản dịch sang tiếng Việt được công chứng (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
II	**Hồ sơ kỹ thuật được cấp cho lô máy phát điện**		
1	**Đối với máy phát điện sản xuất trong**		

	nước		
1.1	01 giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
1.2	01 Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực cấp cho đơn vị cung cấp (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
1.3	Bản chính thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn của đơn vị dự trữ được chỉ định lấy mẫu kiểm tra (kèm theo bản sao kết quả thử nghiệm mẫu của cơ quan chuyên môn).		
2	**Máy phát điện nhập khẩu**		
2.1	01 giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
2.2	01 giấy chứng nhận xuất xứ máy phát điện do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
2.3	01 tờ khai hải quan đã được thông quan theo quy định (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
2.4	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tại địa phương nơi đơn vị cung cấp đăng ký sản xuất, kinh doanh (bản sao y của đơn vị cung cấp).		
2.5	Bản chính thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn của đơn vị dự trữ được chỉ định lấy mẫu kiểm tra (kèm theo bản sao kết quả thử nghiệm mẫu của cơ quan chuyên môn).		

3. Kiến nghị, đề xuất của Cục DTNN khu vực ..., Đơn vị cung cấp...

.....

III. KẾT LUẬN

- Hồ sơ kỹ thuật được chấp nhận đạt yêu cầu khi các nội dung kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

- Trường hợp kết quả kiểm tra có chỉ tiêu chưa đáp ứng, Cục DTNN khu vực yêu cầu nhà cung cấp bổ sung, hoàn thiện. Nếu đơn vị cung cấp bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu thì được chấp thuận; nếu không khắc phục được thì Cục DTNN khu

vực lập biên bản không chấp nhận lô hàng.

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành.... bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực...: ... bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước ...:.....bản; Đơn vị cung cấp: .... bản./.

ĐẠI DIỆN **ĐƠN VỊ CUNG CẤP** (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CỤC DTNN KV...** (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CHI CỤC DTNN ...** (*Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu Chi cục*)

Mẫu biên bản kiểm tra ngoại quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGOẠI QUAN MÁY PHÁT ĐIỆN... (ghi cụ thể loại máy phát điện)

Số:...../..../CDT....- KTBQ

Căn cứ Hợp đồng mua bán ..... số...../.../..... ngày ...../.../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (đơn vị cung cấp hàng).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày..../..../...., tại ..... (*ghi rõ địa điểm tiến hành kiểm tra*), chúng tôi gồm (*họ và tên, chức vụ*):

I. THÀNH PHẦN KIỂM TRA

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực:..... :

1.1. Ông (bà).....(đại diện Lãnh đạo Cục DTNN khu vực).

1.2 Ông (bà) .....(đại diện Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật bảo quản).

1.3. Ông (bà) ..... (đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ).

1.4. Ông (bà)..... (đại diện Lãnh đạo Chi cục DTNN...).

1.5. Ông (bà) ..... (đại diện bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục DTNN...).

1.6. Ông (bà) ..... (thủ kho bảo quản).

2. Đại diện đơn vị cung cấp (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Cùng nhau tiến hành kiểm tra ngoại quan máy phát điện ... tại cửa kho dự trữ quốc gia trước khi nhập kho nội dung như sau:

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Tên máy phát điện, số lượng, thời gian giao hàng

1.1. Tên máy phát điện:.....

1.2. Số lượng máy phát điện:.....

1.3. Thời gian giao máy phát điện (*ngày..... tháng..... năm....*):.....

2. Nội dung kiểm tra ngoại quan

2.1. Số lượng máy phát điện lấy mẫu kiểm tra: Toàn bộ số lượng máy phát điện

... giao tại kho .... Chi cục DTNN ... Cục DTNN khu vực...

2.2. Ghi kết quả kiểm tra theo bảng sau

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Đạt	Không đạt
1	Đối chiếu ký hiệu, mã hiệu trên máy phát điện phù hợp với thông tin tương ứng của hồ sơ máy phát điện.		
2	Kiểm tra tính đồng bộ kỹ thuật của máy phát điện.		
3	Tình trạng bên ngoài của máy phát điện (vỏ máy phát điện yêu cầu không bị méo bẹp, gãy vỡ, rạn nứt hoặc han gỉ; vỏ máy phát điện phải được gắn dấu hợp quy theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; đối với vị trí cổ xả khí thải của động cơ nếu bị han gỉ do khách quan vận hành nổ máy trước khi xuất xưởng phải có xác nhận của hãng sản xuất thì mới được chấp nhận).		

3. Kiến nghị, đề xuất của Cục DTNN khu vực ..., Đơn vị cung cấp...

.....

III. KẾT LUẬN

- Lô hàng được chấp nhận đạt yêu cầu khi các chỉ tiêu kiểm tra đã đáp ứng yêu cầu.

- Trường hợp kết quả kiểm tra ngoại quan có chỉ tiêu chất lượng chưa đáp ứng, Cục DTNN khu vực phải tách riêng máy phát điện đó ra và yêu cầu đơn vị cung cấp khắc phục. Nếu đơn vị cung cấp khắc phục và kiểm tra lại đáp ứng yêu cầu thì được chấp thuận đạt yêu cầu; nếu không khắc phục được Cục DTNN khu vực lập biên bản không chấp nhận lô hàng.

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành.... bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực...: ... bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước ...:.....bản; Đơn vị cung cấp: .... bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP	**ĐẠI DIỆN CỤC DTNN KV...**	**ĐẠI DIỆN CHI CỤC DTNN ...**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu Chi cục)*

Mẫu biên bản kiểm tra vận hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VẬN HÀNH MÁY PHÁT ĐIỆN... (ghi cụ thể loại máy phát điện)

Số:...../..../CDT....- KTBQ

Căn cứ Hợp đồng mua bán ..... số...../.../..... ngày ...../..../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (đơn vị cung cấp hàng).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày..../..../...., tại ..... (*ghi rõ địa điểm tiến hành kiểm tra*), chúng tôi gồm (*họ và tên, chức vụ*):

I. THÀNH PHẦN KIỂM TRA

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực:..... (*đơn vị nhận hàng*):

1.1. Ông (bà).....(đại diện Lãnh đạo Cục DTNN khu vực).

1.2 Ông (bà) .....(đại diện Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật bảo quản).

1.3. Ông (bà) ..... (đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ).

1.4. Ông (bà)..... (đại diện Lãnh đạo Chi cục DTNN...).

1.5. Ông (bà) ..... (đại diện bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục DTNN...).

1.6. Ông (bà) ..... (thủ kho bảo quản).

2. Đại diện đơn vị cung cấp (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Cùng nhau tiến hành kiểm tra vận hành máy phát điện ... tại cửa kho dự trữ quốc gia trước khi nhập kho nội dung như sau:

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Tên hàng, số lượng, thời gian giao hàng

1.1. Tên hàng:.....

1.2. Số lượng:.....

1.3. Thời gian giao hàng (*ngày..... tháng..... năm....*):.....

2. Kiểm tra vận hành máy phát điện

2.1. Lấy mẫu: Kiểm tra vận hành toàn bộ số lượng máy phát điện giao nhận.

2.2. Trình tự vận hành nổ máy quy định tại điểm 4.3.4 Điều 4 Phần III QCVN 02:2024/BTC.

2.3. Ghi kết quả kiểm tra theo bảng sau

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Đạt	Không đạt
1	Máy phát điện trong quá trình vận hành không có tiếng kêu lạ của các chi tiết máy; hệ thống nhiên liệu, hệ thống làm mát không bị rò, rỉ.		
2	Máy phát điện trong quá trình vận hành không có cảnh báo về áp suất dầu bôi trơn, nhiệt độ nước làm mát.		
3	Máy phát điện kiểm tra vận hành phải đảm công suất phát điện của máy phát điện đạt công suất danh định tương ứng với điện áp đạt từ 95 % đến 105 % điện áp quy định (đối với kiểm tra máy phát điện khi nhập kho).		

3. Kiến nghị, đề xuất của Cục DTNN khu vực ..., Đơn vị cung cấp...

.....

III. KẾT LUẬN

- Trường hợp sau kiểm tra vận hành nổ máy có chỉ tiêu chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, Cục DTNN khu vực yêu cầu đơn vị cung cấp khắc phục. Nếu đơn vị cung cấp khắc phục và kiểm tra lại đáp ứng yêu cầu thì được chấp thuận đạt yêu cầu; nếu đơn vị cung cấp không khắc phục được, Cục DTNN khu vực lập biên bản không chấp nhận lô hàng.

- Lô hàng được chấp nhận đạt yêu cầu khi các chỉ tiêu kiểm tra đã đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành.... bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực...: ... bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước ...:.....bản; Đơn vị cung cấp: .... bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP	**ĐẠI DIỆN CỤC DTNN KV...**	**ĐẠI DIỆN CHI CỤC DTNN ...**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu Chi cục)*

Mẫu biên bản lấy mẫu máy phát điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LẤY MẪU MÁY PHÁT ĐIỆN..... (GHI CỤ THỂ LOẠI MÁY PHÁT ĐIỆN) ĐỂ KIỂM TRA CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Số:...../..../CDT.....-KTBQ

Căn cứ Hợp đồng mua bán số...../..../.... ngày ...../..../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (*Đơn vị cung cấp hàng*).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hôm nay, ngày..../..../...., tại ..... (*ghi rõ địa điểm thực hiện lấy mẫu*), chúng tôi gồm (*họ và tên, chức vụ*):

I. Thành phần lấy mẫu:

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.....

1.1. .....

1.2..... , Trưởng phòng Kỹ thuật bảo quản.

.....

2. Đại diện đơn vị cung cấp hàng (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Cùng nhau tiến hành lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật tại đơn vị ..... (*ghi rõ tổ chức thử nghiệm, giám định, kiểm định quy định trong hợp đồng*), cụ thể như sau:

II. Nội dung lấy mẫu:

1. Số lượng mẫu kiểm tra:..... (*theo quy định trong hợp đồng*).

(*Lưu ý: số mẫu này lấy trong số lượng mẫu đạt yêu cầu sau khi đã kiểm tra ngoại quan, vận hành*).

2. Thực hiện lấy mẫu:

2.1. Phương pháp lấy mẫu:..... (*theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia*).

2.2. Ký mã hiệu, sêri của từng mẫu (*nếu có*):.....

3. Các chỉ tiêu chất lượng kiểm tra:

3.1.....

3.2.....

.....

4. Niêm phong trên mẫu: Mô tả kết quả niêm phong mẫu:.....

.....

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành.... bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.....: .... bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước ..... (*nơi lấy mẫu*): ....bản; Đơn vị cung cấp: .... bản; Tổng cục Dự trữ Nhà nước: ..... bản./.

ĐẠI DIỆN ..... (*Đơn vị cung cấp*) (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CỤC DTNN KV....** (*Ký, ghi rõ họ và tên;* *đóng dấu Cục DTNN KV*)

Mẫu biên bản bàn giao mẫu cho đơn vị thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU MÁY PHÁT ĐIỆN .....

Hôm nay, ngày..../..../...., tại đơn vị.....,

Chúng tôi gồm (*họ và tên, chức vụ*):

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực..... (*bên giao*):

.....

2. Đại diện đơn vị .....(*tên tổ chức thử nghiệm*)..... (*bên nhận*):

.....

Cùng nhau tiến hành giao nhận mẫu .....để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng, cụ thể như sau:

1. Số lượng mẫu kiểm tra:.....

2. Các chỉ tiêu chất lượng cần kiểm tra (*ghi theo quy định trong hợp đồng mua bán số*.....):

2.1.....

2.2.....

.....

2. Tình trạng niêm phong và mẫu hàng:

.....

Biên bản này (*gồm ..... trang*) được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau gửi các bên: bên nhận giữ 01 bản; bên giao giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN	**ĐẠI DIỆN**
..... (*Tên bên nhận*)	**CỤC DTNN KV....**
(*Ký, ghi rõ họ và tên*)	(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

Ghi chú: Đóng dấu treo của đơn vị thử nghiệm.

Mẫu biên bản tạm giao, nhận hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM GIAO, NHẬN MÁY PHÁT ĐIỆN TRONG QUÁ TRÌNH CHỜ KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT TẠI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

Căn cứ Hợp đồng mua bán..... số...../..../.... ngày ...../..../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (*Đơn vị cung cấp hàng*).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Căn cứ biên bản kiểm tra ngoại quan ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Căn cứ biên bản kiểm tra vận hành ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Hôm nay, ngày..../..../...., tại ..., chúng tôi gồm ....(*họ và tên, chức vụ*):

1. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực:..... (*đơn vị nhận hàng*):

1.1. Ông (bà).....(đại diện Lãnh đạo Cục DTNN khu vực).

1.2 Ông (bà) .....(đại diện Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật bảo quản).

1.3. Ông (bà) ..... (đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ).

1.4. Ông (bà)..... (đại diện Lãnh đạo Chi cục DTNN...).

1.5. Ông (bà) ..... (đại diện bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục DTNN...).

1.6. Ông (bà) ..... (thủ kho bảo quản).

2. Đại diện đơn vị cung cấp (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Hai bên đã thực hiện việc tạm giao, nhận máy phát điện tại Chi cục DTNN..... thuộc Cục DTNN khu vực....., để bảo vệ trong thời gian chờ kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn, như sau:

1. Thông tin về hàng hóa tạm giao, nhận:

- Tên hàng hóa:.....

- Ký hiệu (nhãn hiệu) của hàng hóa:.....

- Số lượng hàng hóa: .....(chiếc); từ số serial..... đến số serial....

- Phụ kiện kèm theo (nếu có), gồm:.....

2. Trách nhiệm của các bên đối với lô hàng tạm giao nhận trong thời gian chờ kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn

2.1. Bên nhận hàng:

a) Thực hiện bảo vệ bảo đảm an toàn đối với lô máy phát điện đã tạm nhận, cụ thể:

- Giữ đúng, đủ về số lượng máy phát điện đã tạm nhận;

- Giữ đúng tình trạng nguyên vẹn của máy phát điện như khi tạm nhận.

b) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra mất mát (thiếu hụt về số lượng) hoặc hư hại (bị vỡ, méo, bẹp) không còn nguyên vẹn như khi tạm nhận mà nguyên nhân không thuộc trường hợp được xác định là bất khả kháng.

Bất khả kháng là sự kiện được UBND xã, phường (nơi đặt kho) xác nhận bằng văn bản, gồm: (1) Cháy, nổ dẫn đến thiệt hại hàng hóa; (2) Sự cố thiên tai dẫn đến thiệt hại về hàng hóa.

c) Kịp thời thông báo cho đơn vị cung cấp (bằng văn bản) để phối hợp xử lý, khắc phục sự cố bất khả kháng đối với lô hàng hóa tạm giao, nhận.

2.2. Bên giao hàng:

a) Tiếp nhận, vận chuyển hàng ra khỏi kho DTQG sau khi có kết quả kiểm tra yêu cầu kỹ thuật tại cơ quan chuyên môn không đạt yêu cầu theo quy định của hợp đồng đã ký.

b) Chấp nhận chịu thiệt hại toàn bộ đối với lô hàng đã tạm giao nếu bị tổn thất do gặp sự cố bất khả kháng.

3. Các nội dung khác (nếu có):....

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành ....bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực..... : .....bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước..... (*nơi nhập hàng bảo quản*): .... bản; .....:.... (*Đơn vị cung cấp*): ..... bản; Tổng cục Dự trữ Nhà nước: ..... bản./.

ĐẠI DIỆN ..... (*Tên đơn vị cung cấp*) (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CHI CỤC DTNN NHẬP HÀNG....** (*Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu*)

ĐẠI DIỆN
CỤC DTNN KV....
(*Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu*
của Cục DTNN khu vực.....)

Mẫu biên bản giao nhận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN MÁY PHÁT ĐIỆN... (ghi cụ thể loại máy phát điện)

Số:...../..../CDT....- KTBQ

Căn cứ Hợp đồng mua bán ..... số...../.../..... ngày ...../..../... ký giữa Tổng cục Dự trữ Nhà nước và.... (đơn vị cung cấp hàng).

Căn cứ QCVN 02:2024/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy phát điện dự trữ quốc gia kèm theo Thông tư số 90/2024/TT-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ .....

Căn cứ biên bản kiểm tra hồ sơ kỹ thuật ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Căn cứ biên bản kiểm tra ngoại quan ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Căn cứ biên bản kiểm tra vận hành ngày ...tháng ... năm ... kỹ giữa Cục DTNN khu vực ... và ...(đơn vị cung cấp máy phát điện).

Căn cứ kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ... (tổ chức thử nghiệm) ngày .. tháng .. năm..

Hôm nay, ngày....tháng...năm...., tại ..... chúng tôi gồm:

I. Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước khu vực:..... (*đơn vị nhận hàng*):

1. Ông (bà).....(đại diện Lãnh đạo Cục DTNN khu vực).

2 Ông (bà) .....(đại diện Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật bảo quản).

3. Ông (bà) ..... (đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ).

4. Ông (bà)..... (đại diện Lãnh đạo Chi cục DTNN...).

5. Ông (bà) ..... (đại diện bộ phận kỹ thuật bảo quản tại Chi cục DTNN...).

6. Ông (bà) ..... (thủ kho bảo quản).

II. Đại diện đơn vị cung cấp (người có thẩm quyền):

.....

(trường hợp người đại diện được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền của người có thẩm quyền).

Cùng nhau tiến hành lập biên bản giao nhận về số lượng, chất lượng máy phát điện giữa Cục DTNN khu vực ... và ... (đơn vị cung cấp) cùng với hồ sơ liên quan, cụ thể như sau:

- Số lượng giao nhận:.....

- Địa điểm nhập máy phát điện:.....

- Về chất lượng máy phát điện (ghi rõ máy phát điện có các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm..., quy chuẩn...): .....

.....

.....

- Về tài liệu liên quan bàn giao theo máy phát điện (ghi rõ danh mục tài liệu bàn giao kèm theo máy phát điện):.....

.....

.....

III. KẾT LUẬN (ghi rõ chất lượng máy phát điện đáp ứng theo quy định hợp đồng..., quy chuẩn...; hồ sơ tài liệu bàn giao theo máy phát điện đã đầy đủ theo quy định...)

.....

.....

Biên bản này (*gồm .... trang*) được lập thành.... bản, có giá trị pháp lý như nhau, gửi các bên: Cục Dự trữ Nhà nước khu vực...: ... bản; Chi cục Dự trữ Nhà nước ...:.....bản; Đơn vị cung cấp hàng: .... bản./.

ĐẠI DIỆN **ĐƠN VỊ CUNG CẤP** (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CỤC DTNN KV...** (*Ký, ghi rõ họ và tên*)	**ĐẠI DIỆN** **CHI CỤC DTNN ...** (*Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu Chi cục*)